

Số: /QĐ-THPTCLQĐ

Đà Nẵng, ngày tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai điều chỉnh phân bổ dự toán chi  
ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN**

Căn cứ Quyết định số 787/QĐ.UB ngày 4 tháng 4 năm 1986 của UBND tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng về việc thành lập Trường năng khiếu cấp 2 và cấp 3 tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng; Quyết định số 1053/QĐ-UB ngày 26 tháng 4 năm 1997 của UBND lâm thời thành phố Đà Nẵng về việc đổi tên Trường chuyên Lê Quý Đôn thành Trường phổ thông trung học chuyên Lê Quý Đôn; Quyết định số 15/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 2 năm 2003 của UBND thành phố Đà Nẵng đổi tên thành Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 bổ sung kinh phí tiền điện, nước, chi phí cơ sở vật chất phục vụ kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2024;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán đơn vị.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT TP ĐN;
- Như Điều 3;
- Niêm yết công khai, website trường;
- Lưu :VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thanh Hải**

Biểu số 2 theo TT số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018

Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn  
Chương: 422

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THPTCLQĐ ngày ...../10/2024  
của Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn)

Đvt: 1.000 đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                   |
| 1          | Lệ phí                                             |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
| 2          | Phí                                                |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                   |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                   |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>64.296</b>     |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>64.296</b>     |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                   |

|           |                                                         |               |
|-----------|---------------------------------------------------------|---------------|
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |               |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      | <b>64.296</b> |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |               |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | <b>64.296</b> |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |               |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |               |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |               |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |               |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |               |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |               |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |               |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |               |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |               |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |               |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |               |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |               |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |               |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |               |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |               |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |               |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |               |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |               |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |               |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |               |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |               |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |               |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |               |
| 1.1       | Dự án A                                                 |               |
| 1.2       | Dự án B                                                 |               |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |               |
| 2.1       | Dự án A                                                 |               |
| 2.2       | Dự án B                                                 |               |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |               |
| 3.1       | Dự án A                                                 |               |
| 3.2       | Dự án B                                                 |               |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |               |
| 4.1       | Dự án A                                                 |               |
| 4.2       | Dự án B                                                 |               |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |               |
| 5.1       | Dự án A                                                 |               |
| 2.2       | Dự án B                                                 |               |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |               |
| 6.1       | Dự án A                                                 |               |
| 6.2       | Dự án B                                                 |               |

|            |                                                         |  |
|------------|---------------------------------------------------------|--|
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                 |  |
| 7.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                 |  |
| 8.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1        | Dự án A                                                 |  |
| 9.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1       | Dự án A                                                 |  |
| 10.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |
| 1.1        | Dự án A                                                 |  |
| 1.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |
| 2.1        | Dự án A                                                 |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |
| 3.1        | Dự án A                                                 |  |
| 3.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |
| 4.1        | Dự án A                                                 |  |
| 4.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| 5.1        | Dự án A                                                 |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| 6.1        | Dự án A                                                 |  |
| 6.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                 |  |
| 7.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                 |  |
| 8.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1        | Dự án A                                                 |  |
| 9.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1       | Dự án A                                                 |  |
| 10.2       | Dự án B                                                 |  |